

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 1 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-206

TT	SBD	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	CK.0001	LÊ QUỐC	AN	Nam	21/02/1998	KT-OTO	6.00	5.75	
2	CK.0002	NGUYỄN THÀNH	AN	Nam	13/10/1998	KT-OTO	5.25	5.75	
3	TH.0003	DƯƠNG ĐỨC	ANH	Nam	15/8/1999	HTTT	7.25	7.25	
4	CK.0004	DƯƠNG THẾ TUẤN	ANH	Nam	06/3/1995	CHM	6.00	7.00	
5	DT.0005	ĐÀO GIANG TUẤN	ANH	Nam	28/3/1997	TDH	6.25	9.50	
6	CK.0006	ĐỖ QUỐC	ANH	Nam	01/12/1994	DAN	2.50	6.00	
7	DT.0007	GIÁP VIỆT	ANH	Nam	03/8/1996	KTDT	5.50	8.00	
8	CK.0008	LÊ HẢI	ANH	Nam	17/11/1997	VK	9.75	9.75	
9	XD.0009	NGUYỄN ĐỨC	ANH	Nam	04/4/1988	XDCTQP	7.00	9.00	
10	CK.0010	NGUYỄN VIỆT	ANH	Nam	24/11/1996	DAN	6.00	8.75	
11	CK.0011	PHÙNG TUẤN	ANH	Nam	29/9/1996	KT-OTO	8.00	9.00	
12	TH.0012	TRẦN ĐỨC	ANH	Nam	10/02/1999	KHMT	5.50	5.00	
13	TH.0013	TRẦN THỊ VÂN	ANH	Nữ	31/5/1999	KHMT	6.25	6.50	
14	CK.0014	BÙI HUY	BAN	Nam	15/5/1999	DAN	5.25	8.75	
15	CK.0015	NGUYỄN ĐÌNH	BÁ	Nam	10/02/1995	DAN	7.25	8.50	
16	HH.0016	LÊ HỌC	BÁU	Nam	06/7/1995	KTHH	8.50	8.75	
17	DT.0017	NGUYỄN THÁI	BẢO	Nam	23/8/1996	DKTBB	9.00	9.25	
18	DT.0018	PHẠM NGỌC	BẢO	Nam	17/9/1996	DKTBB	5.50	5.00	
19	DT.0019	ĐẶNG NGỌC	BÌNH	Nam	23/02/1996	TDH	7.00	6.75	
20	CK.0020	TRẦN LÂM	BÌNH	Nam	23/6/1995	KT-OTO	6.25	8.00	
21	CK.0021	ĐẶNG MINH	CHIẾN	Nam	20/5/1997	CHUD	9.00	8.50	
22	CK.0022	NGUYỄN QUỐC	CHIẾN	Nam	17/10/1997	KT-OTO	7.00	6.75	
23	CK.0023	HOÀNG ĐỨC	CHUNG	Nam	21/01/1996	VK	9.25	9.25	
24	TH.0024	TẠ THANH	CHUNG	Nam	25/7/1989	KHMT	7.00	8.75	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 2 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-205

TT	SBD	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	CK.0025	HOÀNG HỒ VĂN	CÔNG	Nam	22/11/1997	VK	7.50	8.25	
2	DT.0026	NGUYỄN QUANG	CƠ	Nam	04/6/1994	DKTBB	8.25	9.25	
3	DT.0027	BÙI QUỐC	CƯỜNG	Nam	06/11/1989	KTDT	7.25	9.25	
4	DT.0028	LÊ ĐĂNG	CƯỜNG	Nam	18/8/1999	TDH	8.00	9.75	
5	CK.0029	LÊ TRỌNG NHẤT	CƯỜNG	Nam	28/12/1994	VK	6.50	8.25	
6	DT.0030	NGUYỄN VŨ	CƯỜNG	Nam	22/12/1984	KTVT	6.75	5.00	
7	DT.0031	NGUYỄN VĂN	DINH	Nam	18/9/1995	TDH	9.00	10.00	
8	CK.0032	BÙI DUY	DOANH	Nam	04/01/1984	CNCTM	8.75	9.00	
9	TH.0033	NGUYỄN DANH	DUY	Nam	22/3/1990	KHMT	8.75	5.25	
10	DT.0034	NGUYỄN THẾ	DUY	Nam	23/10/1986	KTDT	8.25	9.25	
11	DT.0035	PHẠM QUANG	DUY	Nam	22/9/1998	KTDT	8.75	8.00	
12	TH.0036	NGUYỄN ANH	DŨNG	Nam	13/02/1999	KHMT	8.50	7.25	
13	CK.0037	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	Nam	07/10/1996	KT-OTO	9.00	9.00	
14	CK.0038	NGUYỄN TẤN	DŨNG	Nam	01/9/1998	KT-XMCB	8.50	7.25	
15	CK.0039	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	Nam	15/7/1998	KT-OTO	8.25	5.75	
16	CK.0040	PHẠM NGỌC MINH	DŨNG	Nam	16/5/1996	KT-XMCB	8.50	7.00	
17	QL.0041	PHÙNG ĐỨC	DŨNG	Nam	14/3/1983	QLKHCN	8.00	6.00	
18	DT.0042	TỔNG XUÂN	DŨNG	Nam	10/7/1997	KTDT	5.00	8.50	
19	CK.0043	TRẦN TUẤN	DŨNG	Nam	17/02/1996	DAN	7.75	5.50	
20	DT.0044	ĐẶNG QUANG	DƯ	Nam	15/9/1990	KTVT	8.25	8.25	
21	QL.0045	NGUYỄN HỮU	DƯƠNG	Nam	01/10/1994	QLKHCN	8.75	6.75	
22	DT.0046	PHẠM HOÀI	DƯƠNG	Nam	25/8/1994	KTDT	6.50	9.50	
23	DT.0047	CHU QUỐC	ĐẠT	Nam	11/8/1998	DKTBB	8.25	9.50	
24	TH.0048	LÊ VĂN	ĐẠT	Nam	01/4/1997	HTTT	9.00	7.50	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có ƯT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 3 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-204

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	CK.0049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	17/11/1999	KT-DCN	6.75	2.50	
2	CK.0050	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	12/9/1994	KT-OTO	7.50	5.00	
3	XD.0051	ĐINH QUANG ĐIỆP	Nam	23/11/1991	KTXD	5.00	6.00	
4	CK.0052	DƯƠNG ĐỨC BẠCH ĐÌNH	Nam	09/3/1992	KT-OTO	5.25	6.00	
5	CK.0053	TRẦN VĂN ĐÌNH	Nam	12/6/1990	VK	5.75	7.00	
6	CK.0054	LƯƠNG VĂN ĐOÀN	Nam	23/3/1989	VK	6.00	5.00	
7	TH.0055	DƯƠNG KHẮC ĐÔNG	Nam	11/3/1998	KHMT	6.25	6.50	
8	DT.0056	LÊ PHƯƠNG ĐÔNG	Nam	15/6/1993	KTDT	5.75	8.75	
9	DT.0057	VŨ VĂN ĐÔNG	Nam	08/9/1997	KTYS	8.75	8.50	
10	TH.0058	ĐẶNG HỒNG ĐỨC	Nam	10/5/1997	KHMT	5.25	5.50	
11	DT.0059	ĐỖ VĂN ĐỨC	Nam	10/11/1996	DKTBB	7.50	8.75	
12	HH.0060	NGUYỄN DUY ĐỨC	Nam	02/11/1996	KTHH	7.50	7.00	
13	CK.0061	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	Nam	23/10/1998	KT-OTO	7.75	6.00	
14	CK.0062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	23/8/1996	DAN	6.50	6.75	
15	DT.0063	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	28/10/1994	DKTBB	7.75	8.00	
16	DT.0064	NGUYỄN KHẮC GIÁP	Nam	22/11/1997	TDH	7.25	9.00	
17	DT.0065	PHẠM VĂN GIỚI	Nam	06/10/1993	TDH	7.00	6.25	
18	DT.0066	NGÔ HOÀNG HÀ	Nam	27/01/1996	KTDT	7.25	9.75	
19	CK.0067	NGUYỄN VĂN HÀ	Nam	15/10/1992	VK	7.25	6.50	
20	QL.0068	NGUYỄN VĂN HÀO	Nam	09/12/1992	QLKHCN	8.00	8.50	
21	CK.0069	DƯƠNG MINH HẢI	Nam	11/3/1997	CNCTM	7.00	6.00	
22	CK.0070	LÊ VĂN HẢI	Nam	03/4/1996	VK	8.75	6.00	
23	CK.0071	NGUYỄN TRỌNG HẢI	Nam	12/5/1997	KT-OTO	6.25	6.75	
24	TH.0072	THÂN THỊ HẰNG	Nữ	02/3/1992	HTTT	5.25	5.00	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 4 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-203

TT	SBD	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	QL.0073	LƯƠNG VĂN	HÂN	Nam	17/01/1997	QLKHCN	9.00	8.25	
2	XD.0074	MAI VĂN	HÂN	Nam	21/01/1997	KTXD	7.00	7.50	
3	DT.0075	NGUYỄN VĂN	HẬU	Nam	12/6/1992	TDH	6.50	8.50	
4	TH.0076	NGUYỄN VINH	HIỀN	Nam	08/7/1999	KHMT	9.00	8.25	
5	CK.0077	ĐẶNG MINH	HIẾU	Nam	23/01/1991	KT-DCN	9.25	8.00	
6	TH.0078	HÀ TUẤN	HIẾU	Nam	14/01/1997	HTTT	7.50	6.50	
7	CK.0079	HOÀNG MINH	HIẾU	Nam	23/8/1997	KT-OTO	5.00	8.00	
8	HH.0080	LÊ MINH	HIẾU	Nam	07/6/1995	KTHH	8.00	7.75	
9	XD.0081	NGUYỄN DUY	HIẾU	Nam	07/01/1993	XDCTQP	6.00	7.50	
10	CK.0082	NGUYỄN VĂN	HIẾU	Nam	07/4/1998	DAN	6.75	7.75	
11	TH.0083	PHẠM MINH	HIẾU	Nam	28/10/1999	KHMT	7.50	7.75	
12	CK.0084	TRẦN MINH	HIẾU	Nam	07/6/1997	KT-TTG	8.75	9.00	
13	CK.0085	VŨ CHÍ	HIẾU	Nam	16/6/1991	CHUD	8.50	8.75	
14	DT.0086	VŨ DUY	HIẾU	Nam	17/3/1993	KTDT	9.00	9.75	
15	CK.0087	TRẦN VĂN	HIỆP	Nam	29/01/1991	KT-DCN	6.75	7.50	
16	DT.0088	ĐỖ CÔNG	HOÀN	Nam	30/01/1998	RADA	8.75	9.75	
17	DT.0089	LÊ VIỆT	HOÀNG	Nam	29/10/1997	DKTBB	8.75	9.75	
18	CK.0090	PHẠM VĂN	HOÀNG	Nam	02/12/1998	VK	7.50	9.00	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 5 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-301

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	TH.0091	VÕ HUY HOÀNG	Nam	05/11/1997	HTTT	5.00	7.00	
2	DT.0092	TRẦN VĂN HOÀNG	Nam	24/7/1996	TDH	8.50	7.75	
3	CK.0093	ĐẶNG VĂN HUẤN	Nam	17/12/1999	VK	5.75	7.25	
4	HH.0094	TRẦN VĂN HUẤN	Nam	29/7/1995	TPTN	8.00	8.75	
5	DT.0095	DOÃN VĂN HUY	Nam	10/8/1995	DKTBB	5.50	9.50	
6	CK.0096	DƯƠNG VĂN HUY	Nam	12/02/1995	VK	7.25	7.25	
7	CK.0097	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	15/3/1996	KT-OTO	8.00	9.75	
8	DT.0098	VŨ QUANG HUY	Nam	01/10/1987	KTDT	6.00	7.00	
9	DT.0099	LÊ XUÂN HUỖNH	Nam	19/01/1994	DKTBB	8.50	8.00	
10	TC.0100	ĐỖ VĂN HÙNG	Nam	24/01/1985	CHQLKT	7.50	6.25	
11	CK.0101	NGÔ TRẦN PHI HÙNG	Nam	19/8/1983	VK	5.00	6.75	
12	CK.0102	NGUYỄN THÁI HÙNG	Nam	08/12/1999	KT-OTO	5.75	5.00	
13	CK.0103	LÊ DUY HÙNG	Nam	12/5/1993	GCAL	5.00	6.50	
14	QL.0104	NGUYỄN HỮU HÙNG	Nam	11/11/1985	QLKHCB	8.00	7.25	
15	TC.0105	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	22/3/1989	CHQLKT	8.00	8.50	
16	DT.0106	NGUYỄN VŨ VIỆT HÙNG	Nam	09/9/1991	KTDT	2.50	5.75	
17	TH.0107	NGUYỄN NGỌC LAN HƯƠNG	Nam	01/5/1998	KHMT	8.25	7.50	
18	CK.0108	LÊ BẢO HY	Nam	29/9/1995	KT-OTO	5.00	6.50	
19	CK.0109	NGUYỄN MINH KHA	Nam	24/5/1997	KT-XMCB	9.00	7.75	
20	CK.0110	NGUYỄN VĂN KHA	Nam	07/5/1989	KT-OTO	5.00	5.50	
21	CK.0111	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	Nam	22/3/1997	DAN	6.25	7.75	
22	DT.0112	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	11/10/1997	DKTBB	6.00	9.50	
23	CK.0113	NGUYỄN PHI KHÁNH	Nam	09/7/1986	KT-DCN	5.00	5.50	
24	HH.0114	PHẠM VĂN KHỎE	Nam	05/9/1996	KTHH	8.75	9.75	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có ƯT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 6 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-302

TT	SBD	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	TH.0115	TẠ QUANG	KHỞI	Nam	18/02/1990	KHMT	6.00	8.00	
2	DT.0116	DƯƠNG ĐỨC	KIỆM	Nam	04/11/1991	KTDT	8.50	8.50	
3	CK.0117	VŨ DUY	KINH	Nam	01/01/1996	KT-OTO	7.50	7.00	
4	CK.0118	TRƯƠNG TẤN	KỶ	Nam	12/9/1995	KT-OTO	5.50	6.50	
5	CK.0119	ĐOÀN TUẤN	LINH	Nam	18/02/1998	KTCDT	8.50	9.00	
6	XD.0120	NGUYỄN VĂN	LỊCH	Nam	12/4/1995	XDCTQP	9.00	7.25	
7	CK.0121	ĐẶNG BÁ	LONG	Nam	07/10/1995	VK	9.00	7.50	
8	CK.0122	LÊ HẢI	LONG	Nam	12/12/1998	KTCDT	8.00	6.00	
9	CK.0123	NGUYỄN TRUNG	LONG	Nam	17/7/1997	KT-OTO	6.00	8.25	
10	TC.0124	ĐỖ CAO HIẾU	LUÂN	Nam	06/10/1987	CHQLKT	9.25	6.75	
11	CK.0125	LIÊN DUY	LUÂN	Nam	03/3/1995	VK	8.25	7.00	
12	QL.0126	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	Nam	09/9/1993	QLKHCHN	8.00	6.25	
13	TH.0127	LÊ VĂN	LƯƠNG	Nam	06/9/1997	KTPM	7.00	8.50	
14	DT.0128	NGUYỄN NGỌC	LY	Nam	07/4/1989	KTDT	8.50	7.00	
15	DT.0129	ĐỖ VĂN	MẠNH	Nam	31/10/1997	KTVT	8.50	9.25	
16	CK.0130	TẠ QUANG	MẠNH	Nam	29/10/1996	VK	7.75	5.50	
17	DT.0131	TRẦN HỮU	MẠNH	Nam	05/4/1995	KTVT	9.00	9.75	
18	QL.0132	LÊ XUÂN	MINH	Nam	01/10/1997	QLKHCHN	7.50	6.00	
19	TH.0133	NGÔ KIM	MINH	Nam	27/01/1993	KHMT	6.75	8.25	
20	DT.0134	NGUYỄN HẢI	MINH	Nam	30/10/1996	DKTBB	9.50	9.50	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 7 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-303

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	QL.0135	NGUYỄN HỮU TUẤN MINH	Nam	31/8/1999	QLKHCN	6.50	5.00	
2	TH.0136	NGUYỄN KHẮC MINH	Nam	20/3/1998	KHMT	6.25	6.75	
3	DT.0137	TRẦN THỊ NGỌC MINH	Nữ	26/4/1997	KTDT	5.75	0.00	
4	XD.0138	NGUYỄN BÁ NAM	Nam	19/5/1997	XDCTQP	6.50	5.50	
5	CK.0139	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	24/4/1996	CNCTM	5.00	6.75	
6	CK.0140	TỔNG KHÁNH NAM	Nam	16/6/1994	KT-OTO	5.00	5.25	
7	TC.0141	TRƯƠNG TRẦN NAM	Nam	28/5/1984	CHQLKT	9.50	7.00	
8	TH.0142	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	05/12/1997	KHMT	8.00	9.50	
9	CK.0143	DƯƠNG THẾ PHONG	Nam	11/9/1998	KT-OTO	6.00	7.50	
10	CK.0144	ĐINH HỒNG PHONG	Nam	28/9/1994	KTCĐT	6.75	7.00	
11	TC.0145	PHẠM VĂN PHÚ	Nam	20/11/1997	CHQLKT	10.00	6.00	
12	CK.0146	LÊ HỒNG PHÚC	Nam	08/6/1993	VK	5.50	7.50	
13	CK.0147	TRẦN MINH PHÚC	Nam	14/3/1997	VK	8.00	8.25	
14	TH.0148	ĐINH THỊ PHƯƠNG	Nữ	30/12/1997	KHMT	8.50	8.00	
15	CK.0149	LƯU THANH MINH PHƯƠNG	Nam	09/01/1995	DAN	8.00	8.25	
16	DT.0150	LƯU XUÂN PHƯƠNG	Nam	02/5/1995	TDH	7.50	8.25	
17	DT.0151	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	Nam	17/3/1994	DKTBB	9.25	8.25	
18	CK.0152	PHẠM HUY QUÂN	Nam	10/5/1993	DAN	8.25	8.25	
19	CK.0153	NGUYỄN HỮU QUỐC	Nam	13/6/1994	DAN	6.00	7.50	
20	CK.0154	ĐỖ VĂN QUYẾN	Nam	06/6/1990	DAN	6.00	6.75	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 8 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-304

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	CK.0155	NGUYỄN THẠC QUỲN	Nam	06/3/1993	CNCTM	5.50	5.00	
2	TH.0156	LÊ THỊ QUỲNH	Nữ	02/3/1996	HTTT	8.50	7.25	
3	CK.0157	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC QUỲ	Nam	01/12/1995	KT-OTO	6.50	7.25	
4	DT.0158	NGUYỄN CAO SANG	Nam	19/9/1994	KTDT	7.50	7.25	
5	TH.0159	NGUYỄN VĂN SANG	Nam	16/01/1995	ATTT	8.00	6.00	
6	DT.0160	TRẦN VĂN SANG	Nam	25/6/1997	KTDT	8.50	9.75	
7	CK.0161	PHẠM VĂN SÁNG	Nam	28/6/1996	KT-TTG	8.50	7.75	
8	DT.0162	ĐÀO MINH SƠN	Nam	03/7/1996	DKTBB	9.00	9.75	
9	CK.0163	NGUYỄN CÔNG SƠN	Nam	30/10/1998	KT-OTO	7.50	8.50	
10	CK.0164	NGUYỄN HUY SƠN	Nam	25/10/1994	KT-OTO	6.50	7.75	
11	CK.0165	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	12/8/1995	KT-OTO	7.50	9.75	
12	DT.0166	PHẠM VĂN SỸ	Nam	20/3/1993	DKTBB	6.25	7.25	
13	CK.0167	NGÔ TẤN TÀI	Nam	10/01/1992	KT-DCN	8.75	7.75	
14	CK.0168	NGUYỄN VĂN TÀI	Nam	08/6/1997	DAN	8.25	9.50	
15	CK.0169	VŨ ĐỨC TÀI	Nam	30/7/1988	CHUD	8.75	5.00	
16	CK.0170	HÒA QUANG TÂN	Nam	18/02/1995	CNCTM	8.50	9.75	
17	CK.0171	LƯƠNG HỮU TÂN	Nam	10/8/1996	VK	7.25	5.00	
18	CK.0172	HỎA THIÊN THANH	Nam	08/8/1989	CNCTM	7.50	9.50	
19	DT.0173	NGUYỄN ĐỨC THANH	Nam	19/9/1996	KTDT	8.50	8.50	
20	CK.0174	THÁI ĐÌNH THANH	Nam	21/9/1994	DAN	7.75	6.25	
21	DT.0175	PHẠM VĂN THAO	Nam	30/3/1995	TDH	8.25	6.25	
22	TH.0176	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	12/9/1995	KHMT	7.50	7.25	
23	CK.0177	TRẦN MAI THÀNH	Nam	03/4/1996	KTCDDT	6.00	7.25	
24	DT.0178	TRẦN VĂN THÀNH	Nam	21/3/1989	RADA	7.25	9.00	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 9 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-305

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	CK.0179	BÙI VĂN THÁI	Nam	20/01/1993	DAN	6.75	5.25	
2	TH.0180	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	09/11/1997	HTTT	8.00	7.25	
3	DT.0181	PHAN DUY THÁI	Nam	17/11/1993	DKTBB	6.25	8.75	
4	QL.0182	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	Nam	22/01/1984	QLKHCN	8.25	6.50	
5	DT.0183	LÊ VĂN THẮNG	Nam	10/5/1998	DKTBB	7.75	8.00	
6	CK.0184	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	Nam	08/11/1998	VK	7.25	7.25	
7	CK.0185	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	28/3/1994	CNCTM	8.00	7.25	
8	DT.0186	GIANG VĂN THẾ	Nam	07/7/1996	RADA	8.50	9.75	
9	CK.0187	LÊ VĂN THIẾT	Nam	14/7/1993	CNCTM	6.75	6.75	
10	CK.0188	PHẠM PHÚC THIẾT	Nam	27/01/1993	KT-OTO	7.50	7.75	
11	CK.0189	NGUYỄN VĂN THIỆP	Nam	17/3/1997	KT-OTO	6.50	6.50	
12	TC.0190	HOÀNG KHẮC THỌ	Nam	19/11/1988	CHQLKT	10.00	6.00	
13	CK.0191	THÂN ĐÌNH THỰC	Nam	29/7/1984	CHUD	7.50	6.75	
14	VL.0192	NGUYỄN DUY TIỀN	Nam	01/01/1991	KTVL	8.00	7.50	
15	CK.0193	LÊ QUANG TIỀN	Nam	03/10/1995	KT-OTO	7.75	8.25	
16	DT.0194	MAI XUÂN TIỀN	Nam	23/6/1993	KTDT	8.00	6.75	
17	CK.0195	ĐỖ ĐÌNH TÌNH	Nam	28/6/1992	KT-DCN	7.50	8.00	
18	TC.0196	LƯƠNG VĂN TOÀN	Nam	20/7/1996	CHQLKT	10.00	7.75	
19	CK.0197	NGUYỄN MẠNH TOÀN	Nam	03/4/1994	VK	8.75	8.25	
20	DT.0198	TRẦN VĂN TOÀN	Nam	10/9/1994	DKTBB	7.00	5.75	
21	DT.0199	VŨ VĂN TOÀN	Nam	02/5/1997	RADA	7.50	9.00	
22	CK.0200	BÙI DUY TOÀN	Nam	31/7/1998	VK	5.50	5.25	
23	DT.0201	PHẠM VĂN TỐT	Nam	22/3/1989	KTDT	8.25	9.75	
24	TH.0202	LÊ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	05/10/1996	HTTT	7.00	6.50	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 10 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-306

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	DT.0203	ĐÀO CÔNG TRÀ	Nam	18/10/1987	DKTBB	5.00	5.00	
2	DT.0204	ĐÀO KHẢ TRẮNG	Nam	15/6/1991	RADA	5.75	3.75	
3	TC.0205	VƯƠNG ĐÌNH TRẮNG	Nam	27/7/1997	CHQLKT	10.00	6.75	
4	CK.0206	KHUẤT HỮU TRÍ	Nam	06/3/1997	VK	8.50	8.25	
5	VL.0207	TRẦN VĂN TRỌNG	Nam	15/12/1993	KTVL	7.75	8.75	
6	TH.0208	LÊ THÀNH TRUNG	Nam	11/4/1991	HTTT	5.00	6.75	
7	TH.0209	PHẠM NGỌC TRUNG	Nam	06/9/1992	KHMT	6.25	8.00	
8	CK.0210	TRẦN QUANG TRUNG	Nam	25/8/1991	VK	8.50	7.50	
9	TH.0211	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	Nam	19/02/1998	ATTT	6.25	6.75	
10	QL.0212	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	Nam	07/11/1995	QLKHCN	9.00	8.25	
11	CK.0213	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Nam	26/11/1997	CNCTM	9.00	9.00	
12	CK.0214	BÙI THANH TUẤN	Nam	08/6/1990	CNCTM	6.50	7.50	
13	CK.0215	BÙI VĂN TUẤN	Nam	20/4/1990	KT-OTO	6.50	7.50	
14	TH.0216	DƯƠNG ĐÌNH TUẤN	Nam	10/01/1999	KHMT	5.50	6.00	
15	CK.0217	ĐẶNG VĂN TUẤN	Nam	15/8/1997	KT-OTO	9.00	8.50	
16	CK.0218	ĐỖ VĂN TUẤN	Nam	07/5/1990	KT-OTO	8.00	6.00	
17	DT.0219	LÊ CÔNG TUẤN	Nam	25/5/1993	DKTBB	8.00	6.25	
18	HH.0220	LÊ NGỌC TUẤN	Nam	18/9/1998	KTHH	9.00	9.50	
19	TH.0221	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	20/12/1995	KHMT	5.25	8.75	
20	DT.0222	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	01/5/1985	KTVT	7.50	7.00	
21	CK.0223	PHÙNG ĐẮC TUẤN	Nam	01/6/1995	VK	7.50	7.25	
22	TH.0224	TRƯƠNG VĂN TUẤN	Nam	03/02/1997	KHMT	7.25	8.50	
23	QL.0225	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	06/8/1997	QLKHCN	7.50	7.00	
24	CK.0226	ĐỖ ĐÌNH TÙNG	Nam	09/9/1996	VK	7.00	5.00	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.

KẾT QUẢ THI THEO PHÒNG THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025
PHÒNG THI SỐ: 11 - NƠI THI: HV - HỘI TRƯỜNG: H1-308

TT	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Dự thi CN	Môn 1	Môn 2	Ưu tiên
1	TH.0227	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	21/3/1993	HTTT	6.75	6.50	
2	XD.0228	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	14/10/1997	XDCTQP	8.50	7.00	
3	DT.0229	PHAN TRỌNG TÙNG	Nam	03/01/1995	DKTBB	6.25	6.50	
4	CK.0230	PHẠM THANH TÙNG	Nam	21/02/1998	CNCTM	5.50	7.50	
5	CK.0231	BÙI VĂN TÚ	Nam	14/02/1993	KT-DCN	6.75	8.50	
6	TH.0232	ĐÀO ANH TÚ	Nam	16/10/1999	HTTT	6.25	6.25	
7	CK.0233	ĐÀO QUANG TÚ	Nam	20/6/1996	VK	8.00	7.50	
8	DT.0234	NGUYỄN VĂN TÚ	Nam	15/9/1996	KTDT	8.00	7.75	
9	CK.0235	TẠ HẢI TÚ	Nam	17/4/1994	VK	9.00	9.00	
10	CK.0236	TRẦN ĐỨC TÚ	Nam	06/8/1997	DAN	8.75	8.00	
11	CK.0237	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	Nam	13/11/1996	KTQ	5.75	7.50	
12	TH.0238	HỒ SỸ VIỆT	Nam	04/9/1995	KHMT	7.25	8.25	
13	DT.0239	DƯƠNG THẾ VINH	Nam	22/7/1993	DKTBB	7.75	6.25	
14	CK.0240	ĐÀO NGỌC DƯƠNG VINH	Nam	02/02/1996	KT-OTO	9.00	9.75	
15	DT.0241	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	02/10/1998	DKTBB	9.00	10.00	
16	QL.0242	TRẦN VĂN VINH	Nam	30/10/1998	QLKHCHN	6.75	8.00	
17	DT.0243	PHẠM NGỌC VÕ	Nam	05/12/1992	KTYS	8.50	9.25	
18	CK.0244	LÊ QUỐC VŨ	Nam	25/7/1999	KT-OTO	9.00	9.25	
19	HH.0245	LƯU HẢI VŨ	Nam	13/01/1995	TPTN	9.00	8.75	
20	TH.0246	MAI PHƯƠNG VŨ	Nam	23/10/1997	KHMT	5.50	5.50	
21	DT.0247	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	Nam	10/9/1996	DKTBB	9.00	9.75	
22	DT.0248	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	30/8/1990	KTDT	8.75	7.50	
23	DT.0249	NGUYỄN XUÂN VŨ	Nam	26/3/1996	DKTBB	9.00	9.75	
24	DT.0250	QUÁCH NHẬT BẢO VŨ	Nam	20/01/1998	DKTBB	8.75	9.50	

Ghi chú: Điểm các môn thi đã cộng ưu tiên (đối với những người có UT), trừ điểm đối với những người vi phạm.